



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017



Thành viên hãng **AGN International** | A member firm of **AGN International**

Kiểm toán - Audit | Thuế - Tax | Tư vấn - Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Rodrigo E. Franco	Thành viên
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Chính	Giám đốc tài chính (bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc tài chính (miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, ✓



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2017



Số: 616/2017/BCSX-IFCHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII, được lập ngày 18 tháng 8 năm 2017, từ trang 4 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Lương Giang Thạch

Phó Giám đốc chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2178-2013-072-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu số B 01a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		737.479.690.616	789.172.203.457
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	30.178.485.501	2.404.636.811
1. Tiền	111		6.178.485.501	238.943.146
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.000.000.000	2.165.693.665
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.267.083.737	15.842.590.331
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	14.a	16.267.083.737	15.842.590.331
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		616.451.544.016	710.369.596.640
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	27.655.632.450	44.325.533.855
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.908.084.872	2.727.146.150
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	135.225.836.005	229.035.671.296
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	455.737.142.040	439.356.396.690
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.075.151.351)	(5.075.151.351)
IV. Hàng tồn kho	140	11	70.934.292.229	58.372.694.009
1. Hàng tồn kho	141		71.561.899.801	59.000.301.581
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627.607.572)	(627.607.572)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.648.285.133	2.182.685.666
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		475.635.946	29.653.133
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.557.388.713	399.029.390
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17.a	1.615.260.474	1.754.003.143
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.596.159.790.950	2.561.980.622.936
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		237.245.747.512	237.245.747.512
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	231.425.250.000	231.425.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	5.820.497.512	5.820.497.512
II. Tài sản cố định	220		2.369.861.414	1.488.361.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.357.369.435	1.473.369.367
- Nguyên giá	222		3.112.044.571	2.060.680.935
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(754.675.136)	(587.311.568)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	12.491.979	14.991.981
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.508.021)	(35.008.019)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.391.222.931	883.566.727
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.391.222.931	883.566.727
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.355.152.959.093	2.322.362.947.349
1. Đầu tư vào công ty con	251	14.b	2.082.590.384.757	2.030.165.886.389
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14.c	154.483.480.000	154.483.480.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	14.a	118.079.094.336	137.713.580.960
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.333.639.481.566	3.351.152.826.393

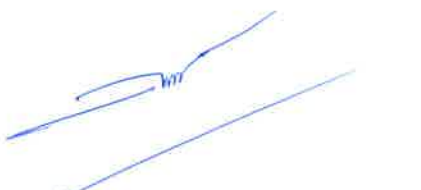
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu số B 01a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.280.726.644.647	1.147.348.146.101
I. Nợ ngắn hạn	310		731.156.755.222	576.233.423.343
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	10.746.404.536	21.249.839.201
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	12.437.528.142	3.676.725.717
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.b	19.784.310	17.648.677
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.930.180.981	7.639.932.143
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		246.199.549	246.200.094
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	85.096.188.258	66.956.436.023
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	614.080.250.000	474.435.816.667
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.600.219.446	2.010.824.821
II. Nợ dài hạn	330		549.569.889.425	571.114.722.758
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	252.220.500	78.252.220.500
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	549.317.668.925	492.862.502.258
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.052.912.836.919	2.203.804.680.292
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	2.052.912.836.919	2.203.804.680.292
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.626.496.378	34.626.496.378
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.080.942.445	236.972.785.818
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		50.067.479.989	26.960.916.691
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		36.013.462.456	210.011.869.127
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.333.639.481.566	3.351.152.826.393



Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	29.499.679.798	18.593.204.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	76.453.811
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	22	29.499.679.798	18.516.750.703
4. Giá vốn hàng bán	11	23	27.256.165.164	18.257.651.566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.243.514.634	259.099.137
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	98.452.115.986	171.853.399.184
7. Chi phí tài chính	22	25	61.142.573.768	70.546.249.607
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.679.994.413	15.971.730.903
8. Chi phí bán hàng	25		183.234.500	85.487.649
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	3.388.864.943	3.100.661.013
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		35.980.957.409	98.380.100.052
11. Thu nhập khác	31		160.000.000	-
12. Chi phí khác	32		127.494.953	29.680.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		32.505.047	(29.680.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.013.462.456	98.350.420.052
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		36.013.462.456	98.350.420.052



Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.013.462.456	98.350.420.052
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư	02	169.863.570	124.424.643
Các khoản dự phòng	03	-	300.460.838
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	37.723	145.801
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(82.989.574.354)	(117.279.026.281)
Chi phí lãi vay	06	45.679.994.413	15.971.730.903
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.126.216.192)	(2.531.844.044)
Giảm các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09	15.264.040.115	24.025.600.353
09	10	(13.999.909.902)	1.185.516.219
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.727.762.024)	(21.256.403.469)
Tăng chi phí trả trước	12	(445.982.813)	(237.094.859)
Tiền lãi vay đã trả	14	(35.686.224.699)	(26.974.545.284)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(22.247.376)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(410.605.375)	(39.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(39.132.660.890)	(25.850.118.460)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.559.019.840)	(51.690.409)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(118.545.000.000)	(169.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	212.354.835.291	208.206.333.843
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(259.000.000.000)	(100.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	113.112.960.000	113.112.960.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	109.583.746.252	82.080.740.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	55.947.521.703	133.848.343.639

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	295.250.000.000	130.772.175.398
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(99.150.400.000)	(23.342.175.398)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(185.140.574.400)	(115.712.859.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.959.025.600	(8.282.859.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	27.773.886.413	99.715.366.179
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.404.636.811	6.719.447.716
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(37.723)	(145.801)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	30.178.485.501	106.434.668.094

Các thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ (mã số 25) thể hiện số tiền Công ty đã chi góp vốn vào các công ty con trong kỳ như Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cầu đường CII.

Dòng tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong kỳ (mã số 26) thể hiện số tiền Công ty thu được từ việc Công ty CP Xây dựng cầu Sài Gòn hoàn trả vốn góp cho các nhà đầu tư.

Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia cho Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII theo hợp đồng đã ký vào ngày 6 tháng 10 năm 2014. Một khoản giảm giá trị đầu tư vào công ty con tương ứng với giảm khoản phải trả dài hạn khác là 78 tỷ VND đã được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán giữa niên độ mà không ảnh hưởng đến các dòng tiền phát sinh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ do Công ty đã nhận trước phí chuyển nhượng ngay tại thời điểm ký hợp đồng.

Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 8 năm 2017

Nguyễn Văn Chính
Kê toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CII”), trụ sở tại số 50 Tôn Thất Đạm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,31%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 16 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2017: 12).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng; kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ

Ngày 12 tháng 1 năm 2017, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII với số tiền là 96 tỷ đồng để công ty con này thực hiện tạm ứng cho hợp đồng nhận chuyển nhượng 51% vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc.

Trong kỳ Công ty đã thực hiện góp đủ vốn vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu theo tỷ lệ đăng ký góp cho số vốn điều lệ tăng của công ty con này để thực hiện đầu tư vào dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng Quốc lộ 60 nối từ cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên.

Ngày 20 tháng 2 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia cho Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII theo hợp đồng đã ký vào ngày 6 tháng 10 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đang đầu tư vào tám (08) công ty con và hai (02) công ty liên doanh, liên kết, bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty đang được đầu tư này như sau:

Công ty con đầu tư trực tiếp

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1. Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	51,75%	51,24%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
Công ty liên kết Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Tỉnh Bình Dương	45%	45%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông và các dịch vụ hạ tầng khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Ngoại tệ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃ SỐ B 09a-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	93.639.158	624.166
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.084.846.343	238.318.980
Các khoản tương đương tiền	24.000.000.000	2.165.693.665
Cộng	30.178.485.501	2.404.636.811

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Thầu Thiết kế & Xây dựng Dự án Tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - đường vành đai ngoài tại TP. Hồ Chí Minh	2.909.750.000	2.909.750.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	2.824.178.378	4.047.897.050
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 2	-	4.914.921.000
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	-	3.519.889.738
Công ty Cổ phần Him Lam	-	3.158.377.829
Các khách hàng khác	18.177.000.305	22.029.994.471
Cộng	27.655.632.450	44.325.533.855

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	324.990.000	324.990.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	3.563.486.337	5.162.881.940
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	535.859.516	-
Cộng	4.930.725.918	5.994.262.005

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	850.000.000	850.000.000
Công ty CP Kim Sơn Hải	820.000.000	820.000.000
Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc Xây dựng và Quản lý dự án Sáng Tạo Mới	528.185.000	528.185.000
Các đối tượng khác	709.899.872	528.961.150
Cộng	2.908.084.872	2.727.146.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)	135.225.836.005	229.035.671.296
Cộng	135.225.836.005	229.035.671.296
b. Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc (ii)	231.425.250.000	231.425.250.000
Cộng	231.425.250.000	231.425.250.000

(i) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty mẹ sẽ đáo hạn vào ngày 12 tháng 12 năm 2017 với lãi suất được hưởng trong kỳ là 11%/năm.

(ii) Khoản cho vay theo hợp đồng đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc để góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho khoản vay này kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Khoản cho vay được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc sở hữu tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	300.505.718.735	311.016.181.287
Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	108.774.224.581	92.125.094.325
Phải thu lãi cho vay	45.006.854.060	35.116.638.862
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm	146.556.534	-
Các khoản cho mượn	644.355.000	572.855.000
Phải thu người lao động	87.274.000	42.274.000
Ký cược, ký quỹ	9.000.000	9.000.000
Các khoản chi hộ	34.583.763	65.971.849
Phải thu đối tượng khác	528.575.367	408.381.367
Cộng	455.737.142.040	439.356.396.690
b. Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc mua phần vốn góp trong Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	5.820.497.512	5.820.497.512
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	644.355.000	572.855.000
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	108.774.224.581	92.125.094.325
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	152.242.698.483	176.242.698.483
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	110.158.255.267	83.415.427.436
Công ty TNHH MTV BOT Ninh Thuận	23.144.921.185	16.398.211.568
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	14.959.843.800	34.959.843.800
Cộng	409.924.298.316	403.714.130.612

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

MÃ SỐ B 09a-DN

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	30/06/2017		01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu	Giá gốc	Giá trị có thể thu	
	VND	VND	VND	VND	
Phải thu từ ứng trước tiền hàng	820.000.000	- >3 năm	820.000.000	- >3 năm	Công ty CP Kim Sơn Hải
Phải thu thi công công trình	546.339.201	- >3 năm	546.339.201	- >3 năm	Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị
Phải thu thi công công trình	-	- >3 năm	-	- >3 năm	Công ty Công trình
Phải thu thi công công trình	1.614.849.071	531.947.875 2-3 năm	1.614.849.071	531.947.875 2-3 năm	Giao thông 621
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	528.185.000	- >3 năm	528.185.000	- >3 năm	Các khách hàng khác
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	457.951.000	- >3 năm	457.951.000	- 2-3 năm	Công ty TNHH TK KT XD QLDA Sáng Tạo Mới
Phải thu từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.200.655.596	35.396.160 2-3 năm	1.200.655.596	35.396.160 2-3 năm	Công ty TNHH PT Công nghệ Môi trường Phan Việt
Phải thu khác	474.515.518	- >3 năm	474.515.518	- >3 năm	Các khách hàng khác
Cộng	5.642.495.386	567.344.035	5.642.495.386	567.344.035	Các đối tượng khác
Giá trị đã lập dự phòng	5.075.151.351		5.075.151.351		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.650.364	(32.650.364)	32.650.364	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	1.456.000	(1.456.000)	1.456.000	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	70.934.292.229	-	58.372.694.009	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	17.170.323.289	-	3.170.413.387	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	82.197.295	-	82.197.295	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác</i>	53.681.771.645	-	55.120.083.327	-
Thành phẩm	528.730.757	(528.730.757)	528.730.757	(528.730.757)
Hàng hóa	64.770.451	(64.770.451)	64.770.451	(64.770.451)
Cộng	71.561.899.801	(627.607.572)	59.000.301.581	(627.607.572)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	854.759.656	1.205.921.279	2.060.680.935
Mua trong kỳ	-	1.051.363.636	1.051.363.636
Tại ngày 30/06/2017	854.759.656	2.257.284.915	3.112.044.571
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	341.769.698	245.541.870	587.311.568
Khấu hao trong kỳ	42.902.328	124.461.240	167.363.568
Tại ngày 30/06/2017	384.672.026	370.003.110	754.675.136
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	512.989.958	960.379.409	1.473.369.367
Tại ngày 30/06/2017	470.087.630	1.887.281.805	2.357.369.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2017 và tại ngày 30/06/2017	50.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2017	35.008.019
Khấu hao trong kỳ	2.500.002
Tại ngày 30/06/2017	37.508.021
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2017	14.991.981
Tại ngày 30/06/2017	12.491.979

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi số VND	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi số VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	16.267.083.737	16.267.083.737	15.842.590.331	15.842.590.331
ii. Dài hạn				
Vốn hợp tác đầu tư	-	118.079.094.336	-	137.713.580.960

Số dư khoản vốn hợp tác đầu tư thể hiện giá trị phần góp vốn của Công ty theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội, hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên. Trong kỳ, Công ty ghi giảm vốn hợp tác đầu tư do được hoàn trả vốn tương ứng với tỷ lệ góp vốn từ nguồn thặng dư của phí giao thông thu được sau khi thanh toán các khoản nợ vay, lãi vay và các chi phí hoạt động phát sinh liên quan đến việc thu phí giao thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	414.174.843.031	-	542.750.344.663	-
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	430.425.833.333	-	430.425.833.333	-
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	335.996.028.454	-	335.996.028.454	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	300.659.554.167	-	300.659.554.167	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	258.876.000.000	-	258.876.000.000	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	246.458.125.772	-	83.458.125.772	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	96.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	-	-	78.000.000.000	-
Cộng	2.082.590.384.757	-	2.030.165.886.389	-

Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công ty con tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do chưa có hướng dẫn cụ thể và nhất quán về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

c. Đầu tư vào công ty liên doanh

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	154.483.480.000	-	154.483.480.000	-
Cộng	154.483.480.000	-	154.483.480.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	7.616.502.632	7.616.502.632	19.883.108.451	19.883.108.451
Công ty CP TM Xây dựng Kỹ thuật Thiên Thành	1.360.174.200	1.360.174.200	-	-
Công ty CP Kỹ thuật Đông Phương	-	-	670.247.389	670.247.389
Các nhà cung cấp khác	1.769.727.704	1.769.727.704	696.483.361	696.483.361
Cộng	10.746.404.536	10.746.404.536	21.249.839.201	21.249.839.201

Trong đó, phải trả các bên liên quan

Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	7.616.502.632	7.616.502.632	19.883.108.451	19.883.108.451
Cộng	7.616.502.632	7.616.502.632	19.883.108.451	19.883.108.451

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	6.520.337.269	-
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	2.697.846.150	-
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 2	943.118.000	-
Công ty CP Đầu tư Long Biên	-	1.472.618.994
Các đối tượng khác	2.276.226.723	2.204.106.723
Cộng	12.437.528.142	3.676.725.717

Trong đó, trả trước của các bên liên quan

Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	35.550.000	35.550.000
---------------------------------	------------	------------

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2017 VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Tiền thuế đất nộp thừa	576.571.588	138.742.669	-	437.828.919
Cộng	1.754.003.143	138.742.669	-	1.615.260.474
b. Các khoản phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	17.648.677	737.296.185	735.160.552	19.784.310
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	17.648.677	741.296.185	739.160.552	19.784.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.907.958.759	7.597.432.143
Chi phí phải trả khác	22.222.222	42.500.000
Cộng	6.930.180.981	7.639.932.143

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Khoản nhận trước lợi nhuận (i)	69.657.871.990	52.315.864.090
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần công ty con từ Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	13.600.155.264	13.600.155.264
Các khoản thu hộ	1.376.239.340	394.325.921
Các khoản phải trả, phải nộp khác	461.921.664	646.090.748
Cộng	85.096.188.258	66.956.436.023
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	252.220.500	78.252.220.500
Cộng	252.220.500	78.252.220.500

Trong đó, phải trả các bên liên quan

Ngắn hạn

Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (i)	71.034.111.330	52.710.190.011
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	13.600.155.264	13.600.155.264

Dài hạn

Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	-	78.000.000.000
Cộng	84.634.266.594	144.310.345.275

(i) Số dư phải trả cho Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu thể hiện khoản tiền nhận tạm ứng lợi nhuận từ công ty con này. Tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính, Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu chưa công bố chính thức việc chia lợi nhuận nên Công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập này vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a. Ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
				Giá trị có khả năng thanh toán VND
	385.708.750.000	385.708.750.000	-	385.708.750.000
	385.708.750.000	385.708.750.000	-	385.708.750.000
	228.371.500.000	228.371.500.000		88.727.066.667
	614.080.250.000	614.080.250.000		474.435.816.667

a. Vay ngắn hạn

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ
thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i)

Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem
thuyết minh (b))

Cộng

b. Vay dài hạn

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát
triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài
Gòn (ii)

Ngân hàng TMCP Bản Việt (iii)

Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi
nhánh TP. Hồ Chí Minh (iv)

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ

thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn
phải trả trong vòng 12 tháng

Cộng

	396.724.568.925	396.724.568.925	-	5.755.000.000	402.479.568.925
	71.750.000.000	71.750.000.000	-	73.250.000.000	145.000.000.000
	254.564.600.000	254.564.600.000	259.000.000.000	20.145.400.000	15.710.000.000
	54.650.000.000	54.650.000.000	36.250.000.000	-	18.400.000.000
	777.689.168.925	777.689.168.925	295.250.000.000	99.150.400.000	581.589.568.925
	(228.371.500.000)	(228.371.500.000)			(88.727.066.667)
	549.317.668.925	549.317.668.925			492.862.502.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Công ty CII để đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận - Doanh nghiệp dự án thực hiện đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và để hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc thực hiện đầu tư vào dự án này. Lãi suất vay được tính bằng lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân + biên độ 3%/năm, thời hạn vay được quy định trong từng công văn cụ thể cho từng lần giải ngân.

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn nhằm mục đích thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu. Thời hạn vay là 102 tháng tính từ ngày 19 tháng 6 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 219 tỷ VND và 72 tháng tính từ ngày 2 tháng 12 năm 2015 đối với hợp đồng vay có hạn mức tín dụng là 191,920 tỷ VND. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh sáu tháng một lần vào các ngày 1 tháng 1 và 1 tháng 7 hàng năm. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu để đảm bảo cho khoản vay này.

(iii) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Bản Việt nhằm mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 145 tỷ VND. Thời hạn vay là 2 năm, ngày đáo hạn của khoản vay là 20 tháng 7 năm 2018. Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân là 9,5%/năm, lãi suất này được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2016 và sau đó được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế có được từ khoản hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc để đảm bảo cho khoản vay này.

(iv) Số dư nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII và góp vốn vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu. Mục đích góp vốn vào các công ty con này là để đầu tư vào dự án Cổ Chiên và dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miếu đến Cầu Cổ Chiên, tỉnh Bến Tre theo hình thức hợp đồng B.O.T. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 300 tỷ VND. Thời hạn vay là 25 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên và sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 8,8%/năm, sau đó được điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần với biên độ 1,8%/năm. Công ty sử dụng các lợi ích kinh tế thu được trong tương lai từ việc đầu tư vào Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay này sau khi đảm bảo các nghĩa vụ của CII với Viettinbank liên quan đến gói trái phiếu CII-B2013-1 phát hành bởi CII ngày 17 tháng 4 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	17.061.076.378	142.673.775.691	2.091.940.250.165
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	352.946.285.916	352.946.285.916
Chi phí phát hành thêm cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(239.139.908.600)	(239.139.908.600)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	17.565.420.000	(17.565.420.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	-	-	-	-	(1.941.947.189)	(1.941.947.189)
Tại ngày 01/01/2017	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	34.626.496.378	236.972.785.818	2.203.804.680.292
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	36.013.462.456	36.013.462.456
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(185.140.574.400)	(185.140.574.400)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT	-	-	-	-	(1.764.731.429)	(1.764.731.429)
Tại ngày 30/06/2017	1.928.547.650.000	3.657.748.096	-	34.626.496.378	86.080.942.445	2.052.912.836.919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MÃU SỐ B 09a-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phần

	30/06/2017 Cổ phần	01/01/2017 Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phần phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.		

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	27.254.064.270	17.701.742.676
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.245.615.528	891.461.838
Cộng	29.499.679.798	18.593.204.514
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>		
Giảm giá hàng bán	-	76.453.811
Cộng	-	76.453.811
Doanh thu thuần	29.499.679.798	18.516.750.703
<i>Trong đó, doanh thu từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan</i>		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	5.574.703.526	2.409.628.095
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.945.452.968	-
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	295.446.000	295.446.000
Cộng	7.815.602.494	2.705.074.095

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	27.020.144.472	17.636.289.010
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	236.020.692	621.362.556
Cộng	27.256.165.164	18.257.651.566

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	68.454.863.848	145.261.531.745
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc	8.316.929.186	9.549.542.748
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.680.322.952	17.042.262.183
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	62.508
Cộng	98.452.115.986	171.853.399.184

Trong đó, doanh thu từ các giao dịch với các bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	19.504.739.757	25.687.429.678
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	34.965.326.400	56.399.029.459
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	26.742.827.831	22.340.262.608
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	6.746.709.617	16.398.211.568
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	-	32.343.469.110
Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	-	17.780.559.000
Cộng	87.959.603.605	170.948.961.423

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	45.679.994.413	15.971.730.903
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	15.462.541.632	54.574.310.395
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	37.723	208.309
Cộng	61.142.573.768	70.546.249.607

Trong đó, chi phí phát sinh từ các giao dịch với các bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	5.948.193.016	5.313.544.190
Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	15.462.541.632	54.574.310.395
Cộng	21.410.734.648	59.887.854.585

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) **MẪU SỐ B 09a-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lương nhân viên	1.830.268.703	1.488.429.663
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	104.802.696	107.733.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.944.390	81.522.315
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	300.460.838
Chi phí thuê văn phòng	253.500.000	210.000.000
Chi phí tiếp khách	183.803.161	164.339.187
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	933.545.993	748.175.011
Cộng	3.388.864.943	3.100.661.013

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân công	2.816.458.039	1.707.315.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.863.570	124.424.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.137.929.381	24.026.335.530
Chi phí bằng tiền khác	1.071.012.595	1.024.828.781
Cộng	41.195.263.585	26.882.904.738

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.013.462.456	98.350.420.052
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(76.771.793.034)	(154.811.074.493)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(76.771.793.034)</i>	<i>(154.811.074.493)</i>
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	7.599.318.055	7.720.249.726
<i>Chi phí lãi vay góp vốn đầu tư khác</i>	<i>7.599.318.055</i>	<i>7.690.569.726</i>
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>-</i>	<i>29.680.000</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	(33.159.012.523)	(48.740.404.715)
Lỗ tính thuế mang sang	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(33.159.012.523)	(48.740.404.715)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay và nợ thuê tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.163.397.918.925	967.298.318.925
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(30.178.485.501)	(2.404.636.811)
Nợ thuần	1.133.219.433.424	964.893.682.114
Vốn chủ sở hữu	2.052.912.836.919	2.203.804.680.292
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	55%	44%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	30.178.485.501	2.404.636.811
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.267.083.737	15.842.590.331
Phải thu khách hàng	24.861.132.617	41.531.034.022
Phải thu về cho vay	366.651.086.005	460.460.921.296
Phải thu khác	461.042.060.185	444.706.314.835
Đầu tư tài chính dài hạn	2.355.152.959.093	2.322.362.947.349
Cộng	3.254.152.807.138	3.287.308.444.644
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.163.397.918.925	967.298.318.925
Phải trả người bán	10.746.404.536	21.249.839.201
Chi phí phải trả	6.930.180.981	7.639.932.143
Phải trả khác	2.090.381.504	898.311.248
Cộng	1.183.164.885.946	997.086.401.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính gồm có rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	7.968.155	22.746.000

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	30.178.485.501	-	-	30.178.485.501
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.267.083.737	-	-	16.267.083.737
Phải thu khách hàng	24.861.132.617	-	-	24.861.132.617
Phải thu về cho vay	135.225.836.005	231.425.250.000	-	366.651.086.005
Phải thu khác	461.042.060.185	-	-	461.042.060.185
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	2.355.152.959.093	2.355.152.959.093
Cộng	667.574.598.045	231.425.250.000	2.355.152.959.093	3.254.152.807.138
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	614.080.250.000	421.365.100.000	127.952.568.925	1.163.397.918.925
Phải trả người bán	10.746.404.536	-	-	10.746.404.536
Chi phí phải trả	6.930.180.981	-	-	6.930.180.981
Phải trả khác	1.838.161.004	252.220.500	-	2.090.381.504
Cộng	633.594.996.521	421.617.320.500	127.952.568.925	1.183.164.885.946
Chênh lệch thanh khoản thuần	33.979.601.524	(190.192.070.500)	2.227.200.390.168	2.070.987.921.192
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	2.404.636.811	-	-	2.404.636.811
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.842.590.331	-	-	15.842.590.331
Phải thu khách hàng	41.531.034.022	-	-	41.531.034.022
Phải thu về cho vay	229.035.671.296	231.425.250.000	-	460.460.921.296
Phải thu khác	444.706.314.835	-	-	444.706.314.835
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	2.322.362.947.349	2.322.362.947.349
Cộng	733.520.247.295	231.425.250.000	2.322.362.947.349	3.287.308.444.644
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	474.435.816.667	299.594.933.333	193.267.568.925	967.298.318.925
Phải trả người bán	21.249.839.201	-	-	21.249.839.201
Chi phí phải trả	7.639.932.143	-	-	7.639.932.143
Phải trả khác	646.090.748	252.220.500	-	898.311.248
Cộng	503.971.678.759	299.847.153.833	193.267.568.925	997.086.401.517
Chênh lệch thanh khoản thuần	229.548.568.536	(68.421.903.833)	2.129.095.378.424	2.290.222.043.127

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần được điều chỉnh hay thuyết minh.



Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 8 năm 2017



Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc



Trụ sở chính tại Hà Nội:

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung
Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
ĐT: (04) 6664 2777 Fax: (04) 6664 3777
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

Head Office in Hanoi:

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung Ward
Thanh Xuan District, Ha Noi City
Tel: (+84 4) 6664 2777 Fax: (+84 4) 6664 3777
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh:

Lầu 5, Tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 3547 2323 Fax: (08) 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:

5th Floor, Hai Au TIC Building, 39B Truong Son
Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Tel: (+84 8) 3547 2323 Fax: (+84 8) 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Hải Phòng:

4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
ĐT: (031) 3797 268 Fax: (031) 3797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:

4 Nguyen Trai, May To Ward
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: (+84 31) 3797 268 Fax: (+84 31) 3797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thanh Hóa:

30 Từ Đạo Hạnh, Phường Đông Thọ
Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: (037) 3758 959 Fax: (037) 8886 866
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn

Branch in Thanh Hoa Province:

30 Tu Dao Hanh, Dong Tho Ward
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province
Tel: (+84 37) 3758 959 Fax: (+84 37) 8886 866
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn